

GHI NHẬN VI PHẠM HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TỪ BỘ NGUYÊN TẮC HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

LÂM TỐ TRANG*
TRẦN MINH CHIẾN**

Vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ là trường hợp chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ, một bên khi có căn cứ cho rằng bên kia không thể thực hiện được nghĩa vụ hợp đồng khi đến hạn. Khi đó, họ có thể thực hiện các quyền được luật cho phép để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quan hệ hợp đồng. Bài viết phân tích các quy định của Bộ Nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế về vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ; so sánh vấn đề này với Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam về quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ. Từ đó, khuyến nghị Việt Nam ghi nhận quy định về vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ trong pháp luật dân sự hiện hành về hợp đồng.

Từ khóa: Bộ Nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế; Bộ luật Dân sự năm 2015; hoãn thực hiện nghĩa vụ; vi phạm hợp đồng.

An anticipatory breach of contract occurs when, before the deadline for performing obligations, one party has reasonable grounds to believe that the other party will be unable to fulfill the contractual obligations when the deadline comes. In such cases, the concerned party may exercise legal rights to protect their legitimate interests in the contractual relationship. This article analyzes the provisions of the set of principles of international commercial contracts on anticipatory breach of contract, comparing this issue with the 2015 Civil Code of Vietnam regarding the right to postpone performance of obligations in bilateral contracts. Based on this analysis, the article recommends that Vietnam recognize regulations on anticipatory breach of contract in its current civil contract law.

Keywords: Set of principles of international commercial contracts; the 2015 Civil Code; postpone performance of obligations; breach of contract.

NGÀY NHẬN: 12/6/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 18/7/2024

NGÀY DUYỆT: 19/8/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.343.2024.943>

1. Đặt vấn đề

Bộ Nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế (sau đây viết tắt là PICC) được Viện quốc tế về Nhất thể hóa pháp luật tư (sau đây viết tắt là UNIDROIT) ban hành vào năm 1994 và được soạn thảo bởi đại diện cho ba

trường pháp luật¹. Sau khi được áp dụng một thời gian, PICC đã được sửa đổi, bổ sung vào

* TS, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh

** Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

năm 2004, 2010 và năm 2016, bao gồm 211 nguyên tắc dành cho các hợp đồng thương mại quốc tế, là sự tập hợp các khái niệm đã được đề cập ở phần lớn các hệ thống pháp luật trên thế giới, nhằm mục đích giải quyết tốt nhất các vấn đề về hoạt động thương mại quốc tế². Dù PICC không phải là văn bản pháp luật nhưng PICC lại là một trong những cơ sở để các bên trong hợp đồng thương mại quốc tế có thể áp dụng một cách dễ dàng và thống nhất khi đến từ các hệ thống pháp luật khác nhau trên thế giới. PICC đã đưa ra các quy định về vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa các hệ thống pháp luật quốc tế khác nhau.

2. Vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ theo PICC

Theo Điều 7.3.3 PICC, xác định: vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ khi có đầy đủ các căn cứ sau đây:

Thứ nhất, khả năng vi phạm nghĩa vụ hợp đồng của một bên.

Điều 7.3.3 PICC quy định trong trường hợp trước ngày đến hạn thực hiện hợp đồng mà có dấu hiệu rõ ràng cho thấy một bên sẽ có hành vi vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng thì bên kia có quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng. Trong điều khoản này, cần lưu ý rằng khả năng vi phạm nghĩa vụ của một bên phải được chứng minh rõ ràng. Nếu có bất kỳ căn cứ cho sự nghi ngờ nào thì không được xem là đầy đủ cho việc chứng minh sự rõ ràng về khả năng vi phạm nghĩa vụ của một bên. Tuy nhiên, nếu có các yếu tố khách quan làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng dẫn đến việc một bên có khả năng vi phạm hợp đồng, chẳng hạn như: sự kiện bất khả kháng (Điều 7.1.7 PICC), điều khoản miễn trừ (Điều 7.1.6 PICC) hoặc tác động của bên thứ ba ngoài tầm kiểm soát của bên có khả năng vi phạm³, thì bên đó không được xem là có khả năng vi

phạm nghĩa vụ hợp đồng theo nghĩa của Điều 7.3.3 PICC.

Thứ hai, vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng của một bên.

Theo Điều 7.3.3 PICC, khi có căn cứ và được chứng minh rõ ràng về khả năng vi phạm nghĩa vụ của một bên trước khi đến thời hạn thực hiện, yếu tố tiếp theo cần được xem xét là sự vi phạm đó phải là vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng. Theo khoản 1 Điều 7.3.1 PICC, một bên có thể chấm dứt hợp đồng khi bên kia không thực hiện nghĩa vụ của mình khi nghĩa vụ đó là một nghĩa vụ cơ bản. Khoản 2 Điều 7.3.1 PICC đưa ra các căn cứ để xác định vi phạm nghĩa vụ của một bên là vi phạm cơ bản, bao gồm:

(1) Căn cứ đầu tiên đòi hỏi rằng việc không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng khiến bên kia bị thiệt hại đáng kể những gì mà họ có quyền mong đợi từ hợp đồng. Điều này có nghĩa rằng, việc vi phạm nghĩa vụ hợp đồng phải nghiêm trọng đến mức bên bị vi phạm bị tước đoạt những điều mà họ có quyền trông đợi vào thời điểm giao kết hợp đồng, tức mục đích giao kết hợp đồng của bên bị vi phạm. Tuy nhiên, nếu không do lỗi của bên vi phạm thì căn cứ này không được xem xét. Nhưng, trong trường hợp này, bên vi phạm phải chứng minh được họ không thấy trước và cũng không thể thấy trước được một cách hợp lý mục đích giao kết hợp đồng không đạt được.

(2) Đối với căn cứ thứ hai, bên cạnh mức độ thiệt hại được xem xét là nghiêm trọng dẫn đến mục đích hợp đồng không đạt được, các nghĩa vụ quan trọng của hợp đồng cũng cần phải được tuân thủ nghiêm ngặt. Điển hình như, nghĩa vụ về thời điểm giao hàng trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

(3) Ở căn cứ thứ ba, yếu tố lỗi cố ý hoặc bất cẩn được xem xét để cho rằng một bên có thể chấm dứt hợp đồng nếu bên kia

không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Bởi lẽ, điều này sẽ đi ngược lại với nguyên tắc thiện chí trong giao kết và thực hiện hợp đồng.

(4) Căn cứ thứ tư là việc một bên không thực hiện hợp đồng khiến cho bên kia có thể suy đoán một cách hợp lý rằng họ không thể tin tưởng việc thực hiện những nghĩa vụ khác theo hợp đồng trong tương lai, tức một bên mất lòng tin vào việc tiếp tục thực hiện hợp đồng của bên còn lại. Căn cứ này thường được đặt ra đối với hợp đồng được thực hiện từng phần. Theo đó, nếu một bên thực hiện nghĩa vụ của mình thành từng phần mà những lần trước đó đều có sai sót, thậm chí là những sai sót đó không phải là căn cứ để chấm dứt hợp đồng, tức những sai sót nhỏ, nhưng bên kia vẫn có thể yêu cầu chấm dứt hợp đồng. Ngoài ra, việc vi phạm hợp đồng có chủ đích cũng là yếu tố để bên bị vi phạm cho rằng, họ không có sự tin tưởng vào việc tiếp tục thực hiện những nghĩa vụ khác của hợp đồng trong tương lai.

(5) Căn cứ cuối cùng để xác định vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng là bên không thực hiện nghĩa vụ đã dựa vào hợp đồng và đã chuẩn bị cho việc thực hiện hợp đồng. Trong những trường hợp này, cần phải lưu ý đến khả năng bên không thực hiện chịu một tổn thất quá mức nếu việc không thực hiện được coi là cơ bản. Tuy nhiên, trong trường hợp thiệt hại xảy ra không cân xứng, bên bị vi phạm không thể chấm dứt hợp đồng mà chỉ có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Thứ ba, thông báo chấm dứt hợp đồng của một bên.

Yếu tố cấu thành thứ ba là điều kiện đủ để xúc tiến yêu cầu chấm dứt hợp đồng. Theo khoản 1 Điều 7.3.2 PICC, bên bị vi phạm phải thông báo đến bên vi phạm về việc chấm dứt hợp đồng theo những căn cứ nêu trên. Khoản 2 Điều 7.3.2 PICC yêu cầu việc thông báo của bên bị vi phạm phải kịp thời. Yếu tố kịp thời được xem xét dưới hai

điều kiện: (1) Bên vi phạm phải được thông báo trước khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ và trước khi bên vi phạm có đủ cơ sở để bảo đảm rằng mình có thể thực hiện được nghĩa vụ theo hợp đồng một cách trọn vẹn; (2) Bên bị vi phạm phải có những phương án hạn chế hoặc ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra một cách nhanh chóng và việc thông báo phải được thực hiện ngay lập tức sau khi bên bị vi phạm đã có phương án thay thế. Yếu tố thông báo kịp thời này như một yêu cầu để bảo đảm cho việc xác định thiệt hại cân xứng hay không cân xứng như đã đề cập bên trên.

3. Ghi nhận của Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015 về vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ

Văn bản pháp luật hiện hành tại Việt Nam là Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có một số quy định tiệm cận với học thuyết vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, Bộ luật Dân sự năm 2015 không đưa ra quy định cụ thể về vi phạm hợp đồng. Theo khoản 1 Điều 275 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng là căn cứ xác lập nghĩa vụ; vi phạm hợp đồng chính là một loại vi phạm nghĩa vụ⁴. Do vậy, có thể dựa vào quy định về vi phạm nghĩa vụ trong Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết các nghĩa vụ bị vi phạm phát sinh từ hợp đồng bên cạnh những quy định về các trường hợp vi phạm cụ thể trong mỗi hợp đồng thông dụng. Theo khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015, vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ. Khi đó, bên vi phạm nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Về nguyên tắc, các trường hợp vi phạm nghĩa vụ chỉ được xem xét dưới yếu tố đến thời hạn thực hiện. Điều đó có nghĩa rằng, khi đến thời hạn thực hiện, một bên có nghĩa vụ

nhưng không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nội dung được xem là vi phạm nghĩa vụ và làm phát sinh trách nhiệm dân sự⁵.

Ngoài những quy định mang tính nguyên tắc về trách nhiệm dân sự phát sinh do vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng, *Bộ luật Dân sự* cũng có quy định “chạm đến” học thuyết vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện một cách dè chừng, bằng quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ. Theo khoản 1 Điều 411 *Bộ luật Dân sự* năm 2015, bên phải thực hiện nghĩa vụ trước có quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ nếu khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên kia đã bị giảm sút nghiêm trọng đến mức không thể thực hiện được nghĩa vụ như đã cam kết cho đến khi bên kia có khả năng thực hiện được nghĩa vụ hoặc có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Ở đây, nhà làm luật chỉ đặt ra quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ phải thực hiện trước khi có cơ sở cho rằng bên có nghĩa vụ phải thực hiện sau không thể thực hiện được nghĩa vụ do khả năng thực hiện nghĩa vụ đã bị giảm sút nghiêm trọng đến mức không thể thực hiện được nghĩa vụ như đã cam kết. Có thể dẫn chứng một ví dụ, công ty A ký kết một hợp đồng mua bán hàng hóa với công ty B, theo đó, công ty B thực hiện nghĩa vụ giao hàng trước, tuy nhiên, gần đến ngày giao hàng, công ty B đã phát hiện công ty A bị chủ nợ nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản. Lúc này, công ty A thực hiện quyền hoãn thực hiện hợp đồng của mình. Ngoài ra, nếu căn cứ vào câu chữ của luật, trường hợp này chỉ được áp dụng đối với các nghĩa vụ được thực hiện lần lượt, đó là trường hợp một bên có nghĩa vụ thực hiện trước và một bên có nghĩa vụ thực hiện sau.

Nếu so sánh với quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng trong PICC, có thể nói, quy định về quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ của pháp luật Việt Nam

tiệm cận với quy định về quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng do vi phạm nghĩa vụ trước thời hạn thực hiện hợp đồng trong PICC. Trước hết, quyền tạm dừng và hoãn thực hiện nghĩa vụ chỉ được áp dụng đối với hợp đồng song vụ, sau đó là “khả năng thực hiện nghĩa vụ” của một bên. PICC cho rằng bên kia sẽ có khả năng vi phạm cơ bản hợp đồng và Điều 411 *Bộ luật Dân sự* năm 2015 cũng cho rằng khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên kia đã bị giảm sút nghiêm trọng đến mức không thể thực hiện được nghĩa vụ đã cam kết. Có thể thấy, cả hai quy định đều muốn nói đến khả năng đạt được mục đích giao kết hợp đồng của bên có khả năng bị vi phạm là không có. Cuối cùng, để thực hiện quyền tạm dừng hoặc hoãn thực hiện nghĩa vụ, bên sắp vi phạm phải đưa ra cam kết hoặc biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đó.

Tuy nhiên, có những vấn đề không thống nhất trong hai quy định trên về quyền tạm dừng và hoãn thực hiện hợp đồng. Theo đó, Điều 411 *Bộ luật Dân sự* năm 2015 chỉ trao cho bên có khả năng bị vi phạm quyền tạm hoãn thực hiện hợp đồng với điều kiện là một bên thực hiện nghĩa vụ trước; còn Điều 7.3.4 PICC ghi nhận cho cả hai trường hợp thực hiện nghĩa vụ trước và thực hiện nghĩa vụ cùng lúc với bên có khả năng vi phạm. Ngoài ra, đối với quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ, bên có quyền được hoãn thực hiện nghĩa vụ cho đến khi bên sắp vi phạm đưa ra cam kết hoặc biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, còn đối với quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng, bên có khả năng bị vi phạm phải yêu cầu bên kia đưa ra một biện pháp bảo đảm cần thiết cho việc thực hiện nghĩa vụ, trường hợp không đưa ra được biện pháp bảo đảm cần thiết thì bên có khả năng bị vi phạm được quyền chấm dứt hợp đồng.

Có thể thấy, đối với quyền hoãn thực hiện hợp đồng trong *Bộ luật Dân sự* năm 2015, trong trường hợp bên kia không đưa ra

được cam kết hoặc biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nào khác thì bên có khả năng bị vi phạm chỉ có thể chờ đợi cho đến khi đến hạn thực hiện hợp đồng mà bên kia không thực hiện mới có thể chấm dứt hợp đồng. Như thế, khả năng rủi ro và thiệt hại trong thực tế sẽ lớn hơn đối với bên hoãn thực hiện nghĩa vụ, trong khi đó, nếu áp dụng theo PICC thì có thể quyền lợi của bên có khả năng bị vi phạm trong hợp đồng sẽ được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm hoặc cam kết của bên sắp vi phạm hoặc nếu không, bên có khả năng bị vi phạm sẽ có quyền chấm dứt hợp đồng.

4. Kết luận

Theo khoản 3 Điều 3 *Bộ luật Dân sự* năm 2015, cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự nói chung và pháp luật về hợp đồng nói riêng. Trên nguyên tắc, các bên được quyền tự do hợp đồng, tức tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận sao cho đạt được mục đích của các bên trong quan hệ hợp đồng. Tuy nhiên, sự tự do này có sự giới hạn trong khuôn khổ pháp luật quy định. Điều này cũng có nghĩa rằng, sự tự do hợp đồng cần được thực hiện trên nguyên tắc thiện chí, trung thực. Để nguyên tắc này được thực thi, cần có biện pháp xử lý khi vi phạm nguyên tắc đó. Chính vì vậy, pháp luật dân sự Việt Nam về hợp đồng cần ghi nhận quy định về vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ như PICC để bảo đảm tuân thủ nguyên tắc thiện chí, trung thực trong quan hệ hợp đồng giữa các bên.

Theo khoản 2 Điều 401 *Bộ luật Dân sự* năm 2015, từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Điều này cho thấy, các bên có trách nhiệm ngay từ khi hợp đồng được ký kết. Quyền và lợi ích của một bên chỉ

đạt được khi bên kia thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng. Nếu xác định được rõ ràng rằng bên kia không thực hiện nghĩa vụ hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ hoặc bên kia tuyên bố không thực hiện hợp đồng, thì việc bên có quyền chờ đợi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ hợp đồng là không cần thiết, thậm chí lãng phí công sức và thời gian. Theo đó sẽ dẫn đến thiệt hại cho bên có quyền, thậm chí còn gây tổn thất cho bên có nghĩa vụ và bên thứ ba liên quan khác (nếu có). Do vậy, việc pháp luật dân sự Việt Nam về hợp đồng cần ghi nhận quy định về vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ như PICC nhằm tránh lãng phí công sức và thời gian của bên có quyền; đồng thời, hạn chế tổn thất cho các bên trong quan hệ hợp đồng □

Chú thích:

1. Năm 1971, *UNIDROIT* đã thành lập một Ủy ban chuyên trách để xác định những yêu cầu cho việc biên soạn Nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế.

2. Unidroit (2010). *Overview - Unidroit Principles of International Commercial Contracts*. <https://www.unidroit.org/instruments/commercial-contracts/unidroit-principles-2016/>, truy cập ngày 06/12/2023.

3. Neil Andrews (2018). *Breach of Contract: A Plea for Clarity and Discipline*, University of Cambridge Faculty of Law Research Paper No. 40/2018, tr. 8.

4. Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh (2021). *Giáo trình Luật Dân sự - Tập 2*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tr. 114.

5. Trương Nhật Quang (2020). *Pháp luật về hợp đồng: Các vấn đề pháp lý cơ bản*. H. NXB Dân trí, tr. 409.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế năm 2016.

2. Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự* năm 2015.

3. Đỗ Hồng Quyên (2014). *Nguyên tắc giải thích hợp đồng thương mại quốc tế theo PICC*. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 14 (270).